

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HANA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HANA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANA TRADING AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HANA T&C CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2300939323

3. Ngày thành lập: 25/05/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu 10 (NR Nghiêm Đình Phương), Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0984228799

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Gia công chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, cầu trục các loại	2599
2.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
3.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
4.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm ngành nhựa, nguyên liệu nhựa	2220
5.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa Chi tiết: Sản xuất gạch, ngói, gạch không nung các loại, gạch ốp lát và vật liệu xây dựng các loại	2391
6.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
7.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
8.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
9.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
10.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; nước giải khát khác	1104
12.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
13.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
14.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322

15.	Sản xuất thảm, chần đệm	1323
16.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
17.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
18.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
19.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
20.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
21.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
22.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
23.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
24.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
25.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
26.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
27.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
28.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
29.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
30.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
31.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
32.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: khách sạn, nhà nghỉ	5510
33.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
36.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành: Điện công nghiệp, điện dân dụng, khí nén, điện lạnh, thông gió, viễn thông, công nghệ thông tin, tự động hóa, điện tử và các thiết bị thông minh; Bán buôn máy móc, thiết bị hệ thống phòng cháy chữa cháy; Kinh doanh các sản phẩm trong ngành dệt may, thời trang, bao bì, sợi tổng hợp, vật liệu mới; Bán buôn than, củi, mùn cưa và các sản phẩm tương tự...; Kinh doanh các sản phẩm ngành nước sạch, vật liệu lọc, chất hấp thụ mùi, than hoạt tính các loại; các sản phẩm vật tư ngành cấp thoát nước; Kinh doanh các mặt hàng điện máy, điện tử, đồ gia dụng; Bán buôn thiết bị nội thất, thiết bị văn phòng, vật liệu trang trí; kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm ngành nhựa, nguyên liệu nhựa; bán buôn giấy và bìa, bao bì, các sản phẩm khác từ giấy và bìa	4669
37.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
38.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

39.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
40.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
41.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất than, củi, mùn cưa và các sản phẩm tương tự...; Sản xuất, chế biến lâm sản, các sản phẩm tre nứa và gỗ các loại; sản xuất các mặt hàng điện máy, điện tử, đồ gia dụng; Sản xuất thiết bị nội thất, thiết bị văn phòng, vật liệu trang trí	3290
42.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
44.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
45.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
46.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thay thế phụ tùng các hạng mục công nghiệp vừa và nhỏ	3319
47.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
48.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
49.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
50.	Tái chế phế liệu	3830
51.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
52.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
53.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
54.	Xây dựng công trình công ích	4220
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đã bao gồm thi công các hạng mục: Điện công nghiệp, điện dân dụng, khí nén, điện lạnh, thông gió, viễn thông, công nghệ thông tin, tự động hóa, điện tử và các thiết bị thông minh nói chung; Thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy công nghiệp và dân dụng; các hạng mục vườn hoa cây cảnh, công viên, cung cấp cây xanh, cỏ, hoa các loại; công trình cấp thoát nước)	4290
56.	Phá dỡ	4311
57.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
58.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
59.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
60.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
61.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
62.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
63.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
64.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

65.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ được phẩm)	4649
66.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
67.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
68.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
69.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
70.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
71.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
72.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
73.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
74.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	VŨ QUANG HẢO	Thôn Quang Biểu, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	950.000.000	50,000	121276972	
2	NGUYỄN VĂN HẢO	Thôn Quang Biểu, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	950.000.000	50,000	121276975	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HẢO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/07/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121276975

Ngày cấp: 20/04/2012

Nơi cấp: Công an Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Quang Biểu, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: thôn Quang Biểu, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh